

Số: 3206/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 19 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để thực hiện dự án năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Theo nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của các huyện, thành phố; kết quả đối chiếu sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, UBND tỉnh Cao Bằng kính trình HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh được phê duyệt

- Theo Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 của 10 huyện, thành phố, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh là:

- + Đất trồng lúa: 1.520,69 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 3.573,97 ha;
- + Đất rừng đặc dụng: 126,89 ha.

- Theo Nghị quyết HĐND tỉnh Cao Bằng phê duyệt trong năm 2021:

STT	Văn bản pháp lý phê duyệt	Diện tích được phê duyệt			
		Số lượng công trình	Trong đó		
			Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	173	139,23	179,24	8,72
2	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 (bổ sung đợt 1)	30	4,08	31,75	0,00
3	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 (bổ sung đợt 2)	23	9,75	38,44	0,00
4	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 (bổ sung đợt 3)	12	11,51	25,68	0,00
	TỔNG	238	164,57	275,11	8,72

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ năm 2021 trên địa bàn tỉnh

a) Những kết quả đạt được

STT	Văn bản pháp lý phê duyệt	Kết quả thực hiện				
		Theo số lượng công trình		Trong đó		
		Số lượng công trình	Tỷ lệ %	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	56	32%	21,29	41,21	6,73
2	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 (bổ sung đợt 1)	20	67%	0,75	12,73	0,00
3	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 (bổ sung đợt 2)	7	30%	0,76	4,11	0,00
4	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 (bổ sung đợt 3)	1	8%	0,42	3,69	0,89
	TỔNG	84	35%	23,21	61,74	7,62

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

* Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt còn thấp.

* Nguyên nhân:

- Do đại dịch Covid-19 tác động xấu và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động, đầu tư các dự án, gây khó khăn trong việc thực hiện các dự án, công trình theo Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được duyệt.

- Nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án chưa kịp thời: Các công trình, dự án được đầu tư từ ngân sách Nhà nước trước khi đưa vào kế hoạch sử dụng đất đã được xác định nguồn vốn đầu tư nhưng khi triển khai thực hiện lại bị chậm phân bổ nguồn kinh phí. Một số dự án, công trình các chủ đầu tư, đơn vị thi công chưa đáp ứng kịp thời kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, ngoài ra việc bố trí xây dựng một số khu tái định cư của một số dự án còn chậm so với tiến độ.

- Quy trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định phải thực hiện nhiều thủ tục (phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, trình thẩm định phương án trích đo giải phóng mặt bằng, trình thẩm định giá đất cụ thể, kiểm đếm, lập phương án bồi thường...), bên cạnh đó còn có dự án không được người có đất bị thu hồi đồng thuận cao, do đó làm chậm tiến độ thực hiện.

- Vị trí, diện tích, loại đất của một số công trình, dự án được đăng ký vào Nghị quyết của HĐND còn phải trình điều chỉnh do thay đổi thiết kế kỹ thuật, do việc xác định diện tích của các loại đất cần chuyển mục đích theo hồ sơ địa chính không được chính xác (bản đồ địa chính không được cập nhật biến động kịp thời)...

3. Nội dung trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh

3.1. Đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án

a) Căn cứ đề xuất việc chuyển mục đích sử dụng đất

- Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án: Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Căn cứ pháp lý của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Quyết định phê duyệt các đồ án Quy hoạch; Văn bản ghi vốn của các dự án; Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản,...

b) Đề nghị chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án, công trình	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích đăng ký chuyển mục đích (ha)		
				Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng đặc dụng (RDD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thành phố Cao Bằng	9	60,65	13,05	0,05	0,00
2	Huyện Bảo Lâm	4	5,16	0,04	5,12	0,00
3	Huyện Bảo Lạc	12	29,52	0,10	26,05	0,00
4	Huyện Trùng Khánh	17	19,95	9,36	0,26	0,00
5	Huyện Thạch An	39	29,00	0,06	2,40	2,76
6	Huyện Nguyên Bình	32	7,09	1,61	3,05	1,77
7	Huyện Quảng Hòa	25	16,85	9,23	2,91	0,00
8	Huyện Hạ Lang	5	39,13	2,15	20,79	0,00
9	Huyện Hà Quảng	3	23,06	7,28	3,01	0,00
10	Huyện Hòa An	13	57,15	17,37	26,36	0,00
	Tổng	98	287,55	60,26	90,00	4,53

(có Phụ lục chi tiết gửi kèm)

c) Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, NĐ (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh